

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HS-ST

Ngày: 31-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Lâm.
Ông Nguyễn Tấn T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Nông Thị S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày: 02/7/1999 tại: xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai; Số CCCD: 004199006154 - cấp ngày **31/12/2024**, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nông Văn B, sinh năm 1966 và bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1970. Chồng: Nguyễn Hùng L, sinh năm 2000; con: có 01 con sinh năm 2024; hiện trú tại: thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện gia đình người bị hại: Hồ Thanh Hảo, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 28/11/2025, Nông Thị S (có Giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81D1-222.10 đi từ Công ty may Nhà Bè (thuộc xã TS, tỉnh Gia Lai) về nhà (thôn A, xã B). Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn Quốc lộ 19B thuộc thôn A, xã B, tỉnh Gia Lai, S điều khiển xe mô tô đi bên phải đường với vận tốc khoảng 50km/giờ theo hướng từ Tây sang Đông. Lúc này trời tối do có mưa, do thiếu chú ý quan sát, hạn chế tầm nhìn do mũ áo mưa và không làm chủ tốc độ nên S không thấy ông Hồ Chí T đang đi bộ qua đường hướng Bắc - Nam, đến khi ông T đã qua đến phần đường phải, cách đầu xe mô tô của S điều khiển khoảng 01m, S mới thấy ông T và không kịp xử lý nên đã để phần trước bên phải xe mô tô của S điều khiển tông vào người ông T gây tai nạn. Hậu quả: ông T bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai đến ngày 17/12/2025 thì tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 129A/KLGĐTT-PYGL ngày 31/12/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận: nguyên nhân ông Hồ Chí T chết là do chấn thương sọ não, chảy máu nội sọ đa điểm chèn ép não + đa thương tích điều trị không phục hồi.

Dấu vết vụ tại nạn giao thông được mô tả tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản khám nghiệm tử thi và bản ảnh.

- Vật chứng thu giữ và xử lý:

+ 01 xe mô tô biển số 81D1-222.10, màu trắng - nâu - đen, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 81001848. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho người quản lý hợp pháp là Nông Thị S.

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nông Thị S.

- Về trách nhiệm dân sự: Nông Thị S đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 200.000.000 đồng, đại diện gia đình người bị hại đã có đơn bãi nại về dân sự và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nông Thị S.

Tại phiên tòa bị cáo S khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là hoàn toàn đúng.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSGL1-KV ngày 08/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai đã truy tố bị cáo Nông Thị S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Thị S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Thị S mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo;

- Về dân sự: Đã bồi thường xong, đại diện bị hại không yêu cầu gì nên miễn xét.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên trả cho bị cáo Nông Thị S 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nông Thị S.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nông Thị S: bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/11/2025, Nông Thị S (có Giấy phép lái xe hợp lệ) điều khiển xe mô tô tham gia giao thông thiếu chú ý quan sát, hạn chế tầm nhìn do mũ áo mưa, không làm chủ tốc độ đã tông vào người ông Hồ Chí T đang đi bộ qua qua đến phần đường phải theo chiều đi của S gây ra tai nạn. Hậu quả làm ông T chết do chấn thương sọ não.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo S phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ nên đã đủ cơ sở để xác định: Bị cáo Nông Thị S đã điều khiển xe mô tô tham gia giao thông thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ - đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; hậu quả: chết 01 người.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo S đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự an toàn giao thông, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác và gây tâm lý lo lắng cho những người tham gia giao thông. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường cho bên bị hại tổng cộng 200.000.000đ; đại diện gia đình bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có con nhỏ và gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo - nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú và công việc ổn định, nghị không cần phải cách ly bị cáo S khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[7] Về dân sự:

Đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu gì nên miễn xét.

[8] Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, nghị tuyên trả cho bị cáo Nông Thị S 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nông Thị S.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nông Thị S 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2026).

Giao bị cáo Nông Thị S cho UBND xã B, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại **Điều 66 và Điều 87** của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự

3. Về dân sự: Miễn xét.

4. Về vật chứng:

Tuyên trả lại cho bị cáo Nông Thị S 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nông Thị S.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Nông Thị S được miễn án phí hình sự sơ thẩm (vì thuộc diện hộ nghèo).

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo và các đương sự khác có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND KV4;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phòng THADS KV4;
- Bị cáo; ĐD bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam